

Bản án số: 24/2018/HS-PT

Ngày: 10-5-2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Khánh Hùng.

*Các thẩm phán:* 1- Ông Huỳnh Đức Khải.

2- Ông Nguyễn Văn Ngọt.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trường Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 17/2018/TLPT-HS ngày 16 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo Mã Ngọc K và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo Mã Ngọc K, Vương Thanh X, Võ Thị U, Nguyễn Thị Kim T, Lê Thị Huỳnh A và Nguyễn Thị M đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2018/HS-ST ngày 08-02-2018 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

***Bị cáo có kháng cáo:***

1. **Mã Ngọc K** (có tên gọi khác K), sinh năm 1981; Nơi thường trú: Khóm B, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nơi tạm trú: Khóm N, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Buôn bán; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Con ông Mã Hải L (chết) và bà Mạch Thị T; Có chồng và 02 người con. Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17-6-2015 cho đến nay. (có mặt)

2. **Vương Thanh X**, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Khóm B, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Buôn bán; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; Con ông Vương Minh N và bà Lâm Thị L; Có chồng và 02 người con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17-6-2015 cho đến nay. (có mặt)

3. **Võ Thị U** (có tên gọi khác U), sinh năm 1970; Nơi cư trú: Khóm H, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Buôn bán; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; Con ông Võ Hùng C (chết) và bà Châu Thị K; Có chồng và 03 người con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Về nhân thân: bị cáo có 01 lần tiền án, vào ngày 28-02-

2011 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2011/HSST, ngày 23-5-2011 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, đến nay bị cáo đã được xóa án tích; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18-5-2017 cho đến nay (có mặt).

4. **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Khóm N, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Buôn bán; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; Con ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị Bích L; Có chồng và 02 người con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18-5-2017 cho đến nay (có mặt).

5. **Lê Thị Huỳnh A**, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Khóm B, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Buôn bán; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; Con ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị P; Có chồng và 02 người con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Về nhân thân: bị cáo có 01 tiền án, vào ngày 01-11-2007, bị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo Bản án hình sự phúc thẩm số 146/2007/HSPT, ngày 29-4-2008 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, đến nay bị cáo đã được xóa án tích; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18-5-2017 cho đến nay (có mặt).

6. Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Khóm B, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; Con ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị N; Có chồng và 04 người con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Về nhân thân: bị cáo có 01 tiền án, vào ngày 27-7-2007, bị Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 12 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2007/HSST, đến nay bị cáo đã được xóa án tích; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18-5-2017 cho đến nay (có mặt).

*Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm:* Các bị cáo: Tôn Thị B, Nguyễn Huỳnh C, Châu Hòa D, Nguyễn Thị Đ, Trương Xíu E; Người làm chứng; NLC1, NLC2, NLC3, NLC4.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 50 phút, ngày 10-6-2015, tại nhà Khóm B, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, cơ quan cảnh sát Điều tra - công an thành phố S phát hiện bắt quả tang, Vương Thanh X và Mã Ngọc K đang tổ chức cho Tôn Thị B, Võ Thị U, Nguyễn Huỳnh C, Châu Hòa D, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Kim T, Lâm Thị M, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị M, Lê Thị N, Lê Thị Huỳnh A và Trương Xíu E đánh bạc với nhau bằng hình thức đánh bài binh 06 lá được thua bằng tiền, do Mã Ngọc K trực tiếp quản lý, sử dụng căn nhà trên. Qua kiểm tra thu giữ các vật chứng liên quan đến việc đánh bạc gồm: Tiền trên chiếu bạc 21.950.000đ, tiền trong lon để tại chiếu bạc 4.200.000đ; 35 lá bài quảng tại chiếu bạc; 06 bộ bài tây loại 52 lá, trong đó có 03 bộ đã qua sử dụng; 01 chiếc chiếu màu xanh. Ngoài ra, qua kiểm tra

thu giữ trên người của những người có mặt tại chiếu bạc số tiền 52.364.000đ và cùng một số vật chứng khác.

Qua quá trình điều tra được biết, vào trưa ngày 10-6-2015, X cùng K tổ chức cho B, U, C, D, Đ, T, M, M1, M2, N, Huỳnh A và E và một số người khác không rõ tên địa chỉ (do đã trốn thoát) đánh bạc với nhau bằng hình thức đánh bài binh 06 lá được thua bằng tiền. K là người cung cấp bài, chiếu, lon thu tiền xâu và địa điểm là căn nhà Khóm B, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng do K đang quản lý sử dụng làm nơi đánh bạc, nhằm mục đích lấy tiền xâu. X và K trực tiếp thu tiền xâu bằng hình thức nếu người làm cái thắng mỗi ván thì bỏ tiền xâu 50.000đ, còn người chơi đánh bạc thắng liên tục hai ván bài, thì bỏ tiền xâu từ 10.000đ đến 20.000đ vào trong cái lon mà X và K để ở tại chiếu bạc. X và K tổ chức đánh bạc được 02 ngày thì bị bắt. Mỗi ngày, X và K thu tiền xâu được khoảng 600.000đ. Vào ngày bị bắt, X và K thu tiền xâu được khoảng 600.000đ. Tổng số tiền X và K thu nhập bất chính được khoảng 600.000đ.

Vào trưa ngày 10-6-2015, thì B, U, C, D, Đ, T, M, M1, M2, N, Huỳnh A và E đến nhà Khóm B, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng đánh bạc với nhau bằng hình thức đánh bài binh 06 lá được thua bằng tiền, do X và K tổ chức, để thu tiền xâu. Hình thức, tỉ lệ thắng thua mỗi ván như sau: Có bốn người trực tiếp tham gia chơi, một người làm cái, ba người đặt tiền, số người còn lại ở bên ngoài tham gia đặt tiền theo bốn người trực tiếp tham gia chơi, thích người nào thì đặt tiền theo người đó, không hạn chế số người chơi. 52 lá bài được người làm cái chia mỗi người 06 lá bài, mỗi người tự chia ra 03 lá bài trên và 03 lá bài dưới lật bài lên tính điểm, người nào điểm lớn thắng. Tính từ 0 đến 9 điểm, quy định A (Át) tính 01 điểm, J, Q, K tính 0 điểm, lá bài số 02 đến lá bài số 10 tính điểm tương ứng từ 2 đến 10 điểm. Tỷ lệ ăn thua là đặt 1 ăn 1, tức đặt 1.000 đồng ăn 1.000 đồng. Mỗi ván bài số tiền đặt cược ăn thua thấp nhất 400.000đ cao nhất 1.500.000đ. X và K là người cung cấp địa điểm cùng các phương tiện đánh bạc và lấy tiền xâu.

Trong ngày bị bắt, thì B và một người thanh niên, không rõ tên địa chỉ (đã trốn thoát) làm cái xoay vòng, còn N, U và 02 người khác, không rõ họ tên địa chỉ (đã trốn thoát) thì tham gia trực tiếp đặt cược. Còn C, D, Đ, T, M, M1, M2, Huỳnh A và E và một số người khác (nhưng không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) thì tham gia kè thanh.

Trong ngày 10-6-2015 khi bị bắt Tôn Thị B mang theo số tiền 38.841.000đ. B lấy ra số tiền 4.000.000đ để dùng vào việc đánh bạc, B thua hết 4.000.000đ; Huỳnh A sử dụng 540.000đ dùng vào việc đánh bạc, Huỳnh A tham gia đặt cược được khoảng 02 ván, thua hết 100.000đ, khi bị bắt, số tiền còn lại Huỳnh A quăng bỏ xuống chiếu bạc, E sử dụng số tiền 600.000đ dùng vào việc đánh bạc, E tham gia đặt cược thua hết 600.000đ; C sử dụng số tiền 296.000đ dùng vào việc đánh bạc, C chơi thua hết 250.000đ, còn 46.000đ thì C quăng bỏ xuống chiếu bạc, D sử dụng số tiền 1.200.000đ dùng vào việc đánh bạc, D tham gia đặt cược và thua hết 1.200.000đ, Đ sử dụng số tiền 1.000.000đ dùng vào việc đánh bạc, Đ tham gia đặt cược được khoảng 02 ván, Đ thua hết 100.000đ, khi bị bắt Đ quăng bỏ toàn bộ số tiền còn lại xuống chiếu bạc, U sử dụng số tiền 100.000đ dùng vào việc đánh bạc, U tham gia đặt cược được khoảng 05 ván, U đã thua hết 100.000đ, T sử dụng số tiền 1.000.000đ dùng vào việc đánh bạc, T tham gia đặt cược và thua hết 200.000đ,

khi bị bắt T quăng bỏ toàn bộ số tiền còn lại xuống chiếu bạc, M1 sử dụng số tiền 400.000đ dùng vào việc đánh bạc, M1 tham gia đặt cược được khoảng 04 ván, M1 thua hết 400.000đ, M sử dụng số tiền 1.300.000đ dùng vào việc đánh bạc, M tham gia đặt cược được khoảng 16 ván, M thua hết 300.000đ, khi bị bắt M quăng bỏ toàn bộ số tiền còn lại xuống chiếu bạc, Lê Thị N sử dụng số tiền 800.000đ dùng vào việc đánh bạc, N tham gia đặt cược được khoảng 02 ván, trong đó có 01 ván N đặt cược 50.000đ và thua, còn ván thứ 02 thì N đặt cược 100.000đ nhưng chưa có kết quả thắng thua thì bị bắt, khi bị bắt N quăng bỏ toàn bộ số tiền còn lại xuống chiếu bạc.

Như vậy, trong ngày bị bắt quả tang, X và K tổ chức cho B, U, C, D, Đ, T, M, M1, M2, N, Huỳnh A và E và một số người khác đánh bạc với nhau, với tổng số tiền đánh bạc là 26.150.000đ, bao gồm số tiền 21.950.000đ tiền thu tại chiếu bạc và số tiền 4.200.000đ thu được trong lon để tại chiếu bạc.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 14/2018/HS-ST ngày 08-02-2018 của Tòa án nhân dân thành phố S, quyết định:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 249; Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33; Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Mã Ngọc K.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33; Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Vương Thanh X.

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 248; điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Tôn Thị B.

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 248; điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Võ Thị U.

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 248; điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim T.

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 248; điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Lê Thị Huỳnh A.

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 248; điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Nguyễn Thị M.

- Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 3 Điều 248; điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 30; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Nguyễn Huỳnh C.

- Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 3 Điều 248; điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 30; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Châu Hòa D.

- Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 3 Điều 248; điểm m, p Khoản 1 Điều 46; Điều 30; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Nguyễn Thị Đ.

- Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 3 Điều 248; điểm m, h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 30; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Trương Xiếu E.

**Tuyên bố:**

- Các bị cáo Mã Ngọc K và Vương Thanh X phạm tội “Tổ chức đánh bạc”

- Các bị cáo Tôn Thị B, Võ Thị U, Nguyễn Huỳnh C, Châu Hòa D, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Kim T, Lê Thị Huỳnh A, Nguyễn Thị M và Trương Xiếu E phạm tội tội “Đánh bạc”.

1. Xử phạt bị cáo Mã Ngọc K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc từ ngày bắt bị cáo thi hành án hình phạt tù.

- Buộc bị cáo Mã Ngọc K nộp số tiền thu lợi bất chính là 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

2. Xử phạt bị cáo Vương Thanh X 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc từ ngày bắt bị cáo thi hành án hình phạt tù.

- Buộc bị cáo Vương Thanh X nộp số tiền thu lợi bất chính là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

3. Xử phạt bị cáo Tôn Thị B 01 (một) năm tù. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc từ ngày bắt bị cáo thi hành án hình phạt tù.

4. Xử phạt bị cáo Võ Thị U 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc từ ngày bắt bị cáo thi hành án hình phạt tù.

5. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc từ ngày bắt bị cáo thi hành án hình phạt tù.

6. Xử phạt bị cáo Lê Thị Huỳnh A 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc từ ngày bắt bị cáo thi hành án hình phạt tù.

7. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc từ ngày bắt bị cáo thi hành án hình phạt tù.

8. Xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh C 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 08-02-2018.

- Phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh C 5.000.000đ (năm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước. Thời hạn thi hành kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Giao bị cáo Nguyễn Huỳnh C cho Ủy ban nhân dân Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Gia đình bị cáo Nguyễn Huỳnh C có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo.

9. Xử phạt bị cáo Châu Hòa D 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 08-02-2018.

- Phạt bị cáo Châu Hòa D 5.000.000đ (năm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước. Thời hạn thi hành kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Giao bị cáo Châu Hòa D cho Ủy ban nhân dân Phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Gia đình bị cáo Châu Hòa D có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân Phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo.

10. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 08-02-2018.

- Phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ 5.000.000đ (năm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước. Thời hạn thi hành kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Giao bị cáo Nguyễn Thị Đ cho Ủy ban nhân dân Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Gia đình bị cáo Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo.

11. Xử phạt bị cáo Trương Xiếu E 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 08-02-2018.

- Phạt bị cáo Trương Xiếu E 5.000.000đ (năm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước. Thời hạn thi hành kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Giao bị cáo Trương Xiếu E cho Ủy ban nhân dân Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Gia đình bị cáo Trương Xiếu E có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Đến ngày 21/02/2018 bị cáo Mã Ngọc K, Vương Thanh X kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thị M và Lê Thị Huỳnh A kháng cáo xin được hưởng án treo; Bị cáo Võ Thị U kháng cáo xin giảm án và xin được chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Tại phiên tòa các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Đại diện viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng giữ quyền công tố nhà nước đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và áp dụng Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo nộp trực tiếp cho tòa án nhân dân thành phố S vào ngày 21/02/2018, theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 thì việc kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo và giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo: Qua các chứng cứ và thẩm vấn công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã xác định được như sau: Vào khoảng 12 giờ 50 phút, ngày 10-6-2015, tại nhà Khóm B, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, cơ quan cảnh sát Điều tra - Công an thành phố S phát hiện bắt quả tang, Vương Thanh X và Mã Ngọc K đang tổ chức cho Tôn Thị B, Võ Thị U, Nguyễn Huỳnh C, Châu Hòa D, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Kim T, Lâm Thị M2, Nguyễn Thị M1, Nguyễn Thị M, Lê Thị N, Lê Thị Huỳnh A và Trương Xiếu E đánh bạc với nhau bằng hình thức đánh bài binh 06 lá được ăn thua bằng tiền, do Mã Ngọc K trực tiếp quản lý, sử dụng căn nhà trên. Qua kiểm tra thu giữ các vật chứng liên quan đến việc đánh bạc gồm: Tiền trên chiếu bạc 21.950.000đ, tiền trong lon để tại chiếu bạc 4.200.000 đồng; 35 lá bài quăng tại chiếu bạc; 06 bộ bài tây loại 52 lá, trong đó có 03 bộ đã qua sử dụng; 01 chiếc chiếu màu xanh. Ngoài ra, qua kiểm tra thu giữ trên người của những người có mặt tại chiếu bạc số tiền 52.364.000 đồng và cùng một số vật chứng khác. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 248 và Điều 249 Bộ luật hình sự thì *“Trường hợp nhiều người cùng tham gia đánh bạc với nhau thì việc xác định tiền, giá trị hiện vật dùng đánh bạc đối với từng người đánh bạc là tổng tiền, giá trị hiện vật của những người cùng đánh bạc được hướng dẫn tại khoản 3 Điều này”*. Như vậy theo hướng dẫn này thì hành vi phạm tội của bị cáo K, bị cáo X bị cấp sơ thẩm truy tố và xét xử về tội *“Tổ chức đánh bạc”* theo khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Đối với các bị cáo U, M, A, T khi tham gia đánh bạc các bị cáo chỉ dụng số tiền để đánh bạc cao nhất là 1.300.000 đồng, thấp nhất là 100.000 đồng nhưng khi bị bắt quả tang, cơ quan chức năng thu giữ được tại chiếu bạc tổng số tiền là 26.150.000 đồng. Do đó các bị cáo U, M, A, T bị cấp sơ thẩm truy tố và xét xử về tội *“Đánh bạc”* theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ và đúng theo qui định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Mã Ngọc K xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo với lý do bị cáo còn con nhỏ và đang mang thai. Xét thấy: Khi cấp sơ thẩm xem xét áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ

cho bị cáo như: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ nói trên là chính xác là phù hợp với pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh bị cáo có các tình tiết mới để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên là áp dụng Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Mã Ngọc K.

Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo thấy: Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng, bị cáo bị xử không quá 03 năm tù về tội ít nghiêm trọng, tuy nhiên bị cáo không đủ điều kiện để hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao do bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên là không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Vương Thanh X xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo với lý do bị cáo còn hai con nhỏ và cha mẹ già. Xét thấy: Khi xem xét, áp dụng hình phạt đối với bị cáo, cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ nói trên là chính xác là phù hợp với pháp luật. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên là áp dụng Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Vương Thanh X.

Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng, bị cáo bị xử không quá 03 năm tù về tội ít nghiêm trọng, tuy nhiên bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ tại Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 nên theo quy định tại Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo không đủ điều kiện để hưởng án treo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin được hưởng án treo. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên là không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[5] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị Kim T với lý do là lao động chính trong gia đình và nuôi con ăn học: Xét thấy, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án tiền sự, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 04 tháng tù, tuy nhiên bị cáo có chồng cũng đang trong độ tuổi lao động nên bị cáo không phải là lao động chính và duy nhất trong gia đình. Theo quy định của Nghị quyết 01/2013/NQ- HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thì bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo. Tuy nhiên, loại tội phạm này hiện có chiều hướng gia tăng ở địa phương nên cần phải xử phạt bị cáo hình phạt tù giam để trấn áp và răn đe tội phạm nhằm phục vụ tình hình chính trị ở địa phương. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của

Kiểm sát viên là áp dụng Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo.

[6] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Lê Thị Huỳnh A: Xét thấy, bị cáo là người có nhân thân xấu do bị cáo đã bị Tòa án tỉnh Sóc Trăng đưa ra xét xử 01 lần vào ngày 01/11/2007 về tội đánh bạc và bị xử phạt 06 tháng tù giam nhưng đã được xóa án tích, sau khi mãn hạn tù bị cáo tiếp tục phạm tội đánh bạc, theo quy định tại Nghị quyết 01/2013/NQ- HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự về án treo thì bị cáo không đủ điều kiện hưởng án treo. Do vậy, đơn kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo không được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

[7] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị M: Nhận thấy, bị cáo là người có nhân thân xấu bị cáo đã 01 lần vào ngày 27/7/2007 bị Tòa án thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 12 tháng tù về tội đánh bạc đã được xóa án tích, sau khi mãn hạn tù bị cáo tiếp tục phạm tội đánh bạc, theo quy định tại Nghị quyết 01/2013/NQ- HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự về án treo thì bị cáo không đủ điều kiện hưởng án treo. Do vậy, đơn kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo không được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

[8] Xét kháng cáo xin chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo U: Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội ít nghiêm trọng, tuy nhiên xét về nhân thân của bị cáo thấy rằng: Vào ngày 28-02-2011, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2011/HSST, ngày 23-5-2011, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, đến nay bị cáo đã được xóa án tích; Do bị cáo có nhân thân xấu nên cần phải áp dụng hình phạt tù để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo này của bị cáo.

[9] Án phí hình sự phúc thẩm thì các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[10] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

[1] Căn cứ vào Điều 356 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

[2] Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Mã Ngọc K, Vương Thanh X, Võ Thị U, Nguyễn Thị Kim T, Lê Thị Huỳnh A và Nguyễn Thị M.

[3]- Áp dụng Khoản 1 Điều 249; Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33; Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Mã Ngọc K.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33; Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Vương Thanh X.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 248; điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Võ Thị U.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 248; điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim T.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 248; điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Lê Thị Huỳnh A.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 248; điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Nguyễn Thị M.

#### **Tuyên xử:**

1. Xử phạt bị cáo Mã Ngọc K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc từ ngày bắt bị cáo thi hành án hình phạt tù.

- Buộc bị cáo Mã Ngọc K nộp số tiền thu lợi bất chính là 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

2. Xử phạt bị cáo Vương Thanh X 01 năm 03 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc từ ngày bắt bị cáo thi hành án hình phạt tù.

- Buộc bị cáo Vương Thanh X nộp số tiền thu lợi bất chính là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

3. Xử phạt bị cáo Võ Thị U 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc từ ngày bắt bị cáo thi hành án hình phạt tù.

4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T 04 (bốn) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc từ ngày bắt bị cáo thi hành án hình phạt tù.

5. Xử phạt bị cáo Lê Thị Huỳnh A 04 (bốn) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc từ ngày bắt bị cáo thi hành án hình phạt tù.

6. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 04 (bốn) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc từ ngày bắt bị cáo thi hành án hình phạt tù.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

[5] Các phần quyết định khác của quyết định bản án hình sự sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Sóc Trăng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND thành phố S (2 bản);
- VKSND thành phố S;
- CQĐT - Công an thành phố S;
- Chi cục THADS thành phố S;
- PHSNV - Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Bị cáo.
- PKTNNV-THA – TAND tỉnh Sóc Trăng;
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Sơ Tư pháp;
- Lưu hs, THS;

**Đã ký**

**Nguyễn Khánh Hùng**